



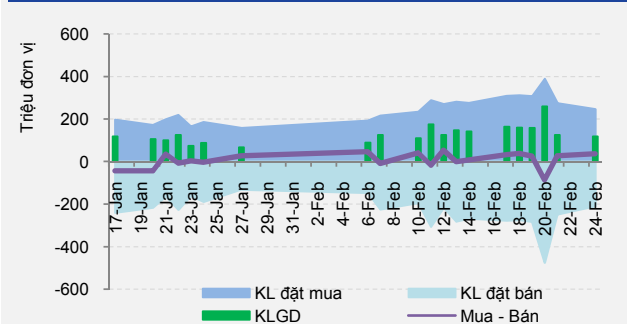
## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 24/2/2014

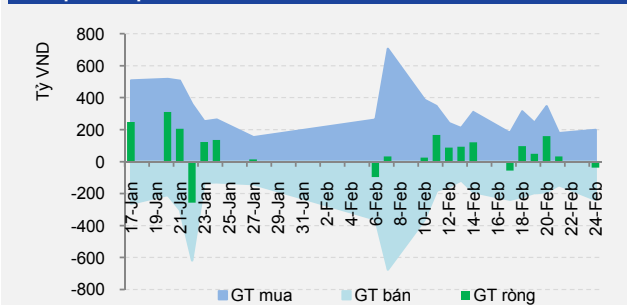
| Thông kê thị trường | HOSE        | HNX         |
|---------------------|-------------|-------------|
| Index               | 576.6       | 81.7        |
| % Thay đổi          | ↑ 1.1%      | ↑ 1.9%      |
| KLGD (CP)           | 118,528,370 | 70,875,579  |
| GTGD (tỷ đồng)      | 1,918.04    | 687.75      |
| Tổng cung (CP)      | 208,639,870 | 99,544,400  |
| Tổng cầu (CP)       | 245,737,650 | 119,788,500 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE      | HNX     |
|-------------------|-----------|---------|
| KL bán (CP)       | 8,782,750 | 187,040 |
| KL mua (CP)       | 5,895,490 | 794,200 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 199.71    | 11.01   |
| GT bán (tỷ đồng)  | 237.14    | 2.65    |
| GT ròng (tỷ đồng) | (37.43)   | 8.36    |

## Tương quan cung cầu



## Giá trị Giao dịch NĐTNN



| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E   | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|-------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 2.58%    | 8.6   | 2.0 | 4.7%  |
| Công nghiệp         | ↑ 2.35%    | 324.4 | 1.3 | 23.3% |
| Dầu khí             | ↑ 4.45%    | 9.1   | 2.0 | 3.2%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↑ 0.65%    | 16.1  | 2.2 | 1.4%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 0.23%    | 10.7  | 3.2 | 0.8%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↑ 0.82%    | 13.4  | 4.9 | 11.9% |
| Ngân hàng           | ↑ 0.30%    | 14.1  | 1.3 | 4.7%  |
| Nguyên vật liệu     | ↑ 1.47%    | 11.3  | 2.2 | 7.8%  |
| Tài chính           | ↑ 1.68%    | 17.5  | 2.5 | 38.4% |
| Tiền ích Cộng đồng  | ↑ 0.57%    | 11.6  | 4.2 | 3.8%  |
| VN - Index          | ↑ 1.05%    | 14.3  | 3.0 | 73.6% |
| HNX - Index         | ↑ 1.86%    | 20.3  | 1.7 | 26.4% |

| Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE |           |      |           |      |
|-------------------------------------------|-----------|------|-----------|------|
|                                           | Mua       | %    | Bán       | %    |
| KLGD (CP)                                 | 2,701,260 | 2.3% | 1,777,320 | 1.5% |
| GTGD (tỷ VND)                             | 94,127    | 4.8% | 41,647    | 2.1% |

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

**Nhận định:** Thị trường giao dịch bình ổn trong phần lớn thời gian giao dịch, áp lực cung giá thấp không nhiều. Lực mua mạnh dần trong phiên giao dịch chiều, khi báo Hải quan Điện tử trích lời UBCKNN về việc Chính phủ sẽ thông qua Quyết định về nới tỷ lệ sở hữu cổ phần của NĐTNN tại DNNY vào cuối tháng 2. Đà tăng khởi từ nhóm cổ phiếu chứng khoán, cổ phiếu hết room vốn ngoại và lan sang thị trường chung. Hai chỉ số Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên, độ rộng thị trường tích cực, lượng cổ phiếu tăng điểm chiếm đa số.

Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh khi VN-Index tiếp cận ngưỡng kháng cự kỹ thuật 590 điểm, HNX-Index tiến gần ngưỡng cản 84 điểm. Áp lực cung dự báo sẽ tăng trong phiên giao dịch ngày mai, khi có lượng lớn cổ phiếu về tài khoản và mức giá của đa số cổ phiếu đã tăng khá so với phiên mua bắt đầu. Với dòng tiền tham gia thị trường tích cực như hiện tại, chúng tôi cho rằng khả năng thị trường điều chỉnh giảm sâu không nhiều. Tuy nhiên thị trường vẫn cần thời gian tích lũy trước khi tiếp tục xu hướng tăng. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của VN-Index là khoảng 560-565 điểm, lấp đầy khoảng trống đã thiết lập trong phiên tăng mạnh ngày 13/2, của HNX-Index là khoảng 77 điểm. Xu hướng thị trường tăng điểm trung hạn vẫn được đánh giá tích cực.

Giai đoạn điều chỉnh là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý trong danh mục khi thị trường nhiều khả năng vẫn còn nhịp điều chỉnh tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.

- Chỉ số VN-Index tăng 6.01 điểm (1.05%), lên 576.58 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.49 điểm (1.85%), lên 81.66 điểm, sát mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ số CPI tháng 2/2014 tăng 0.55% so với tháng 1, tăng 1.24% so với đầu năm và chỉ tăng 4.65% so với cùng kỳ, mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua. Chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp, trái ngược với xu hướng tăng giá theo chu kỳ dịp Tết Nguyên đán cho thấy sức mua nội địa vẫn ở mức thấp. Với diễn biến giảm khá mạnh của lạm phát, xu hướng giảm lãi suất duy động toàn hệ thống Ngân hàng tiếp tục mở rộng. Lãi suất huy động phổ biến hiện tại của nhóm NHTMCP là 6.5% với kỳ hạn 1 tháng.

- Thị trường đang kỳ vọng Ngân hàng sẽ tiếp tục giảm lãi suất cho vay, nhằm chia sẻ khó khăn đối với doanh nghiệp. Mức độ giảm lãi suất đầu ra dự báo không nhiều, do các Ngân hàng đã áp dụng nhiều mức lãi suất hấp dẫn đối với doanh nghiệp tốt, đủ điều kiện. Tính đến ngày 31/10/2013, dư nợ cho vay bằng VND có mức lãi suất dưới 10% chiếm tỷ trọng 29.3%; mức lãi suất từ 10-13%/năm chiếm tỷ trọng 48.65%; mức lãi suất từ 13-15% chiếm tỷ trọng 14.7%; mức lãi suất trên 15%/năm chiếm tỷ trọng 7.41%. Tuy nhiên áp lực chi phí vốn vay giảm vẫn là thông tin tích cực đối với doanh nghiệp.

- Báo Hải Quan Online dẫn tin từ UBCKNN, Thủ tướng Chính phủ sẽ ký quyết định thông qua đề xuất về nới tỷ lệ sở hữu cho NĐTNN trên TTCK Việt Nam vào cuối tháng 2/2014. Thông tin này được nhiều nhà đầu tư trông đợi, kỳ vọng sự cải thiện về giá khi khối NĐTNN mua vào cổ phiếu. Theo dự thảo quyết định, NĐTNN sẽ được sở hữu cổ phần tại DNNY Nhà nước không cần nắm cổ phần chi phối lên 60%, sở hữu công ty chứng khoán lên tới 100%. Tỷ lệ sở hữu của khối ngoại cụ thể tại từng doanh nghiệp sẽ được ĐHCĐ của doanh nghiệp toàn quyền quyết định.

**VN-INDEX**



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Tăng        | Tăng             | Tăng               |

**Ghi chú:**  
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày  
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần  
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 6.01 điểm (1.05%), lên 576.58 điểm, mức cao nhất trong phiên.
- KLGD giảm 3% so với phiên trước, xuống 112 triệu đơn vị.
- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 70 điểm. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục giảm nhẹ xuống dưới đường tín hiệu.

**Nhận định:** Thị trường giao dịch bình ổn trong phần lớn thời gian giao dịch, áp lực cung giá thấp không nhiều. Lực mua mạnh dần trong phiên giao dịch chiều, khi báo Hải quan Điện tử trích lời UBCKNN về việc Chính phủ sẽ thông qua Quyết định về nơi tỷ lệ sở hữu cổ phần của NĐTNN tại DNNY vào cuối tháng 2. Đã tăng khởi từ nhóm cổ phiếu chứng khoán, cổ phiếu hết room vốn ngoại và lan sang thị trường chung. Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên, độ rộng thị trường tích cực, lượng cổ phiếu tăng điểm chiếm đa số.

Chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh khi tiếp cận ngưỡng kháng cự kỹ thuật 590 điểm. Áp lực cung dự báo sẽ tăng trong phiên giao dịch ngày mai, khi có lượng lớn cổ phiếu về tài khoản và mức giá của đa số cổ phiếu đã tăng khá so với phiên mua bất đáy. Với dòng tiền tham gia thị trường tích cực như hiện tại, chúng tôi cho rằng khả năng thị trường điều chỉnh giảm sâu không nhiều, tuy nhiên vẫn cần thời gian tích lũy trước khi tiếp tục xu hướng tăng. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của thị trường là khoảng 560-565 điểm, lấp đầy khoảng trống đã thiết lập trong phiên tăng mạnh ngày 13/2. Xu hướng thị trường tăng điểm trung hạn vẫn được đánh giá tích cực.

Giai đoạn điều chỉnh là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý trong danh mục khi thị trường nhiều khả năng vẫn còn nhịp điều chỉnh tích lũy trước khi tăng trở lại.

**HNX-INDEX**



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Tăng        | Tăng             | Tăng               |

**Ghi chú:**  
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày  
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần  
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.49 điểm (1.85%), lên 81.66 điểm, sát mức cao nhất trong phiên.
- KLGD giảm nhẹ 3% so với phiên trước, xuống 68 triệu đơn vị.
- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 75 điểm, tâm lý nhà đầu tư tích cực hơn. Đường MACD 9 vẫn dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách đang thu hẹp.

**Nhận định:** Thị trường giao dịch bình ổn trong phần lớn thời gian giao dịch, áp lực cung giá thấp không nhiều. Lực mua mạnh dần trong phiên giao dịch chiều, khi báo Hải quan Điện tử trích lời UBCKNN về việc Chính phủ sẽ thông qua Quyết định về nơi tỷ lệ sở hữu cổ phần của NĐTNN tại DNNY vào cuối tháng 2. Chỉ số HNX-Index đóng cửa sát mức cao nhất trong phiên, lượng cổ phiếu tăng điểm chiếm đa số.

Chỉ số HNX-Index vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh khi tiếp cận ngưỡng kháng cự kỹ thuật 84 điểm. Áp lực cung dự báo sẽ tăng trong phiên giao dịch ngày mai, khi có lượng lớn cổ phiếu về tài khoản và mức giá của đa số cổ phiếu đã tăng khá so với phiên mua bất đáy. Với dòng tiền tham gia thị trường tích cực như hiện tại, chúng tôi cho rằng khả năng thị trường điều chỉnh giảm sâu không nhiều, tuy nhiên vẫn cần thời gian tích lũy trước khi tiếp tục xu hướng tăng. Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật của thị trường là khoảng 75-77 điểm. Xu hướng thị trường tăng điểm trung hạn vẫn được đánh giá tích cực.

Giai đoạn điều chỉnh là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý trong danh mục khi thị trường nhiều khả năng vẫn còn nhịp điều chỉnh tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.

**TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ**

| STT | Mã  | Sàn  | Doanh thu Q4 | % DT so Q4.2012 | LNST Q4 (tỷ) | % LN so Q4.2012 | DT 2013 (tỷ) | % DT so 2012 | LNST 2013 (tỷ) | % LN so 2012 | LN 2013 so KH | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|-----|------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|----------------|--------------|---------------|----------------|
| 1   | PXL | HOSE | 2.8          | -65.0%          | 10.01        | <b>19920.0%</b> | 24.57        | -69.3%       | -5.45          | -2968.4%     | -51.2%        | 0.42           |
| 2   | ASP | HOSE | 569.88       | 10.7%           | 10.93        | <b>10830.0%</b> | 1970.76      | -1.1%        | 20.2           | -19.8%       | 72.1%         | 13.13          |
| 3   | PXI | HOSE | 256.85       | 28.2%           | 17.97        | <b>5515.6%</b>  | 683.2        | -19.3%       | 15.03          | 78.5%        | 38.5%         | 3.09           |
| 4   | KTB | HOSE | 16.14        | -11.9%          | 1.68         | <b>5500.0%</b>  | 50.16        | -35.9%       | 1.75           | -95.7%       | 5.8%          | 2.30           |
| 5   | VRC | HOSE | 42.95        | 363.3%          | 3.73         | <b>2969.2%</b>  | 100.02       | 13.7%        | 1.54           | 1000.0%      | 21.1%         | 0.24           |
| 6   | KMR | HOSE | 68.79        | 11.8%           | 5.97         | <b>2942.9%</b>  | 337.28       | -3.1%        | 20.16          | 474.4%       | 163.2%        | 19.00          |
| 7   | ITA | HOSE | -36.58       | -117.6%         | 31.7         | <b>2319.8%</b>  | -15.13       | -141.7%      | 45.11          | 36.8%        | 57.8%         | 17.96          |
| 8   | VTO | HOSE | 362.62       | -12.3%          | 20.37        | <b>2163.3%</b>  | 1564.15      | -4.7%        | 43.81          | -11.1%       | 605.9%        | 1.91           |
| 9   | TC6 | HNX  | 1187.01      | -9.2%           | 97.17        | <b>1690.3%</b>  | 4262.51      | 5.9%         | 59.07          | 34.3%        | 126.0%        | 4.38           |
| 10  | TCS | HNX  | 1158.46      | 44.8%           | 147.27       | <b>1195.3%</b>  | 3851.24      | 15.5%        | 48.96          | 9.9%         | 96.7%         | 7.02           |

**TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012**

| STT | Mã  | Sàn  | Doanh thu Q4 | % DT so Q4.2012 | LNST Q4 (tỷ) | % LN so Q4.2012 | DT 2013 (tỷ) | % DT so 2012 | LNST 2013 (tỷ) | % LN so 2012   | LN 2013 so KH | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|-----|------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|----------------|----------------|---------------|----------------|
| 1   | APG | HNX  | 4.67         | 183.0%          | 2.87         | 171.4%          | 11.83        | 54.6%        | 4.81           | <b>1073.2%</b> | 74.0%         | 0.04           |
| 2   | VRC | HOSE | 42.95        | 363.3%          | 3.73         | 2969.2%         | 100.02       | 13.7%        | 1.54           | <b>1000.0%</b> | 21.1%         | 0.24           |
| 3   | CMI | HNX  | 29.66        | 446.2%          | 12.3         | 261.4%          | 52.88        | 63.8%        | 13.09          | <b>869.6%</b>  | 55.7%         | 0.05           |
| 4   | TCM | HOSE | 645.39       | 25.1%           | 28.88        | 247.3%          | 2554.42      | 11.9%        | 123.52         | <b>712.7%</b>  | 136.7%        | 48.99          |
| 5   | KLS | HNX  | 40.5         | -12.9%          | 40.73        | -35.5%          | 167.65       | -30.6%       | 138.34         | <b>541.4%</b>  | 34.2%         | 6.33           |
| 6   | VCG | HNX  | 2921.87      | -41.1%          | 421.53       | 671.2%          | 11345.11     | -10.4%       | 544.75         | <b>523.4%</b>  | 152.1%        | 4.84           |
| 7   | KMR | HOSE | 68.79        | 11.8%           | 5.97         | 2942.9%         | 337.28       | -3.1%        | 20.16          | <b>474.4%</b>  | 163.2%        | 19.00          |
| 8   | VHG | HOSE | 19.32        | -44.2%          | 7.77         | 154.8%          | 186.59       | 10.9%        | 83.29          | <b>330.3%</b>  | -416.5%       | 0.36           |
| 9   | VIC | HOSE | 6776.78      | 138.9%          | 799.95       | 264.9%          | 18377.3      | 132.5%       | 6756.01        | <b>330.0%</b>  | 90.1%         | 12.95          |
| 10  | HGD | HOSE | 664.6        | 24.1%           | 40.44        | -36.4%          | 1232.33      | 32.4%        | 97.85          | <b>320.9%</b>  | 163.1%        | 6.29           |

**TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT**

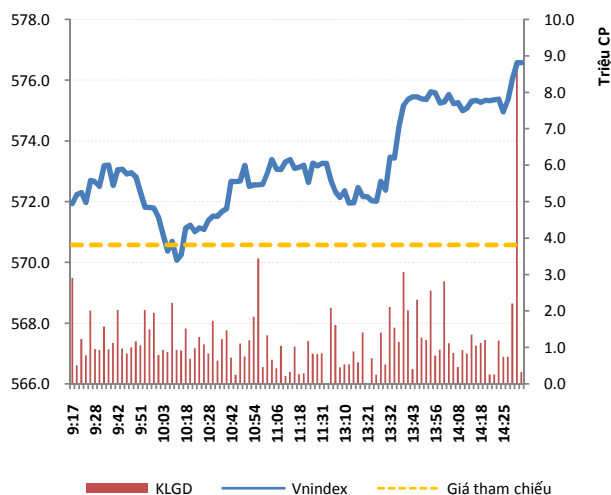
| STT | Mã  | Sàn  | Doanh thu Q4 | % DT so Q4.2012 | LNST Q4 (tỷ) | % LN so Q4.2012 | DT 2013 (tỷ) | % DT so 2012 | LNST 2013 (tỷ)  | % LN so 2012 | LN 2013 so KH | Tỷ lệ SHNN (%) |
|-----|-----|------|--------------|-----------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|---------------|----------------|
| 1   | GAS | HOSE | 16575.8      | 9.5%            | 2194.68      | -12.2%          | 65445.03     | -4.2%        | <b>12384.66</b> | 26.3%        | 161.0%        | 2.50           |
| 2   | VIC | HOSE | 6776.78      | 138.9%          | 799.95       | 264.9%          | 18377.3      | 132.5%       | <b>6756.01</b>  | 330.0%       | 90.1%         | 12.95          |
| 3   | VNM | HOSE | 8174.03      | 15.9%           | 1470.04      | -10.8%          | 30948.6      | 16.5%        | <b>6534.13</b>  | 12.3%        | 104.9%        | 49.00          |
| 4   | DPM | HOSE | 2361.45      | -17.4%          | 258.71       | -50.6%          | 10363.42     | -22.2%       | <b>2216.92</b>  | -26.5%       | 115.8%        | 30.37          |
| 5   | HPG | HOSE | 6460.28      | 52.5%           | 489.6        | 179.5%          | 18934.29     | 12.5%        | <b>1954.22</b>  | 96.6%        | 162.9%        | 45.44          |
| 6   | PVD | HOSE | 4467.94      | 26.4%           | 485.28       | 126.8%          | 14863.25     | 24.6%        | <b>1877.89</b>  | 29.7%        | 138.1%        | 40.48          |
| 7   | PPC | HOSE | 1736.95      | 40.4%           | 232.13       | -57.2%          | 6582.56      | 59.4%        | <b>1631.51</b>  | 223.2%       | 486.4%        | 12.27          |
| 8   | FPT | HOSE | 11283.43     | 12.6%           | 474.01       | 5.6%            | 41231.63     | 67.6%        | <b>1607.71</b>  | 4.4%         | 81.0%         | 49.00          |
| 9   | PVS | HNX  | 6096.13      | -4.6%           | 491.81       | 142.3%          | 25385.83     | 3.2%         | <b>1516.21</b>  | 35.6%        | 191.9%        | 25.47          |
| 10  | BVH | HOSE | 2040.45      | -6.7%           | 291.11       | -1.7%           | 8377.68      | -0.4%        | <b>1095.85</b>  | -18.7%       | 99.4%         | 24.32          |
| 11  | REE | HOSE | 729.9        | 10.6%           | 136.84       | -22.6%          | 2413.4       | 0.7%         | <b>975.79</b>   | 48.6%        | 150.1%        | 48.95          |
| 12  | HAG | HOSE | 755.13       | -56.4%          | 295.65       | 368.9%          | 2769.41      | -37.0%       | <b>901.81</b>   | 157.7%       | 108.6%        | 34.93          |

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 18/02/2014

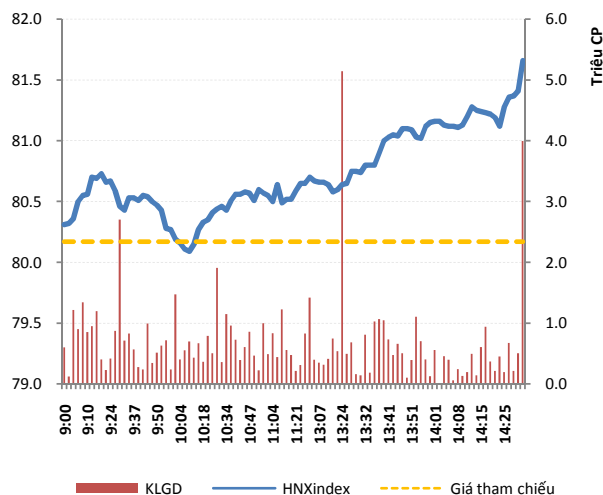


## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

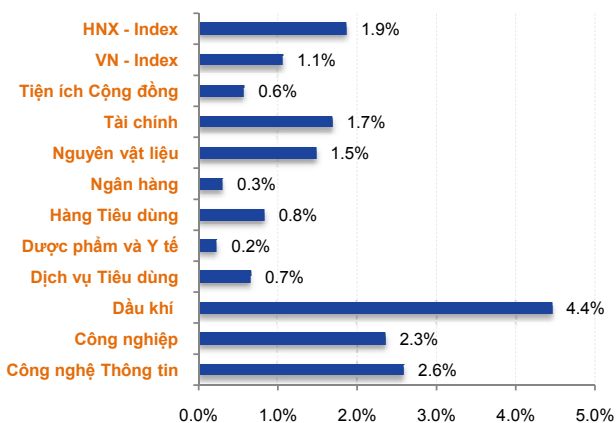
## KLGD và VN-Index trong phiên



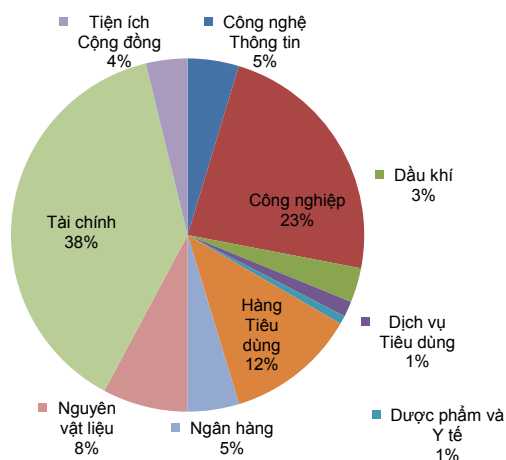
## KLGD và HNX-Index trong phiên



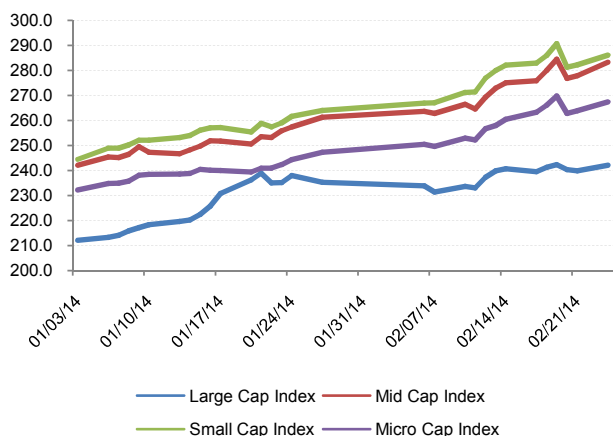
## Biến động giá phân theo nhóm Ngành



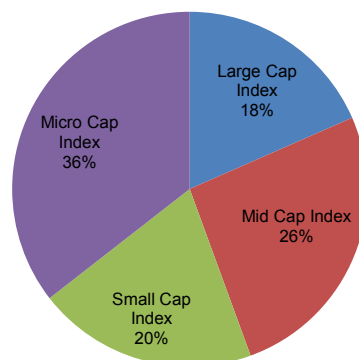
## Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



## Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



## Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



## Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | IJC   | 1,252,110   | HAG   | 3,614,270   |
| 2  | PPC   | 323,050     | KBC   | 3,092,000   |
| 3  | VCB   | 297,000     | DIG   | 91,270      |
| 4  | NBB   | 289,280     | DPM   | 89,150      |
| 5  | PVT   | 215,000     | CLG   | 77,000      |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | SHB   | 207,700     | TC6   | 48,500      |
| 2  | PVS   | 136,600     | BVS   | 35,210      |
| 3  | PVL   | 80,000      | KLS   | 16,300      |
| 4  | VCG   | 77,700      | BHV   | 10,000      |
| 5  | BCC   | 39,000      | SCR   | 9,800       |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD      |
|-----|------------|----------|---------|-----------|
| HAG | 24.8       | 25.1     | ↑ 1.21% | 7,291,040 |
| ITA | 7.5        | 7.8      | ↑ 4.00% | 5,913,290 |
| SSI | 25.2       | 26.4     | ↑ 4.76% | 5,020,490 |
| SAM | 11.2       | 11.7     | ↑ 4.46% | 4,992,720 |
| IJC | 13.1       | 14.0     | ↑ 6.87% | 4,761,600 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD       |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| PVX | 3.9        | 4.2      | ↑ 7.69% | 14,055,140 |
| VCG | 14.2       | 15.3     | ↑ 7.75% | 6,758,391  |
| SCR | 8.5        | 8.9      | ↑ 4.71% | 5,053,716  |
| KLS | 11.3       | 11.8     | ↑ 4.42% | 4,332,120  |
| SHB | 8.6        | 8.7      | ↑ 1.16% | 4,224,869  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %       |
|-----|------------|----------|-----|---------|
| HT1 | 8.6        | 9.2      | 0.6 | ↑ 6.98% |
| TTF | 8.6        | 9.2      | 0.6 | ↑ 6.98% |
| CCI | 11.5       | 12.3     | 0.8 | ↑ 6.96% |
| TDC | 11.5       | 12.3     | 0.8 | ↑ 6.96% |
| TV1 | 11.5       | 12.3     | 0.8 | ↑ 6.96% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| CMI | 17.0       | 18.7     | 1.7 | ↑ 10.00% |
| CMS | 13.0       | 14.3     | 1.3 | ↑ 10.00% |
| HBE | 7.0        | 7.7      | 0.7 | ↑ 10.00% |
| PVV | 3.0        | 3.3      | 0.3 | ↑ 10.00% |
| VMC | 15.0       | 16.5     | 1.5 | ↑ 10.00% |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| HLG | 6.0        | 5.6      | -0.4 | ↓ -6.67% |
| VNI | 3.4        | 3.2      | -0.2 | ↓ -5.88% |
| C21 | 19.0       | 18.0     | -1.0 | ↓ -5.26% |
| DAG | 14.0       | 13.3     | -0.7 | ↓ -5.00% |
| PXM | 2.0        | 1.9      | -0.1 | ↓ -5.00% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| B82 | 12.0       | 10.8     | -1.2 | ↓ -10.00% |
| SDE | 8.0        | 7.2      | -0.8 | ↓ -10.00% |
| PJC | 17.1       | 15.4     | -1.7 | ↓ -9.94%  |
| DNP | 18.5       | 16.7     | -1.8 | ↓ -9.73%  |
| L44 | 7.5        | 6.8      | -0.7 | ↓ -9.33%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD      | ROE  | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|-----------|------|-------|-------|-----|
| HAG | 7,291,040 | 8.0% | 1,372 | 18.3  | 1.4 |
| ITA | 5,913,290 | 0.7% | 74    | 105.6 | 0.7 |
| SSI | 5,020,490 | 9.9% | 1,471 | 17.9  | 1.8 |
| SAM | 4,992,720 | 5.0% | 922   | 12.7  | 0.6 |
| IJC | 4,761,600 | 5.4% | 592   | 23.6  | 1.3 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE     | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------------|---------|---------|-------|-----|
| PVX | 14,055,140 | -115.4% | (5,275) | -     | 2.1 |
| VCG | 6,758,391  | 10.0%   | 1,233   | 12.4  | 1.2 |
| SCR | 5,053,716  | 0.4%    | 53      | 167.9 | 0.6 |
| KLS | 4,332,120  | 5.5%    | 716     | 16.5  | 0.9 |
| SHB | 4,224,869  | 7.6%    | 854     | 10.2  | 0.7 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|--------|-------|-------|-------|-----|
| HT1 | ↑ 7.0% | 0.1%  | 13    | 731.6 | 0.9 |
| TTF | ↑ 7.0% | 0.9%  | 112   | 82.3  | 0.8 |
| CCI | ↑ 7.0% | 8.0%  | 1,197 | 10.3  | 0.8 |
| TDC | ↑ 7.0% | 13.1% | 1,591 | 7.7   | 1.0 |
| TV1 | ↑ 7.0% | 13.7% | 1,710 | 7.2   | 1.0 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE    | EPS     | P/E       | P/B |
|-----|---------|--------|---------|-----------|-----|
| CMI | ↑ 10.0% | 18.0%  | 1,744   | -         | 1.8 |
| CMS | ↑ 10.0% | 19.1%  | 2,400   | 6.0       | 1.0 |
| HBE | ↑ 10.0% | 0.0%   | (3)     | (2,463.5) | 0.7 |
| PVV | ↑ 10.0% | -22.4% | (1,891) | (1.7)     | 0.4 |
| VMC | ↑ 10.0% | 5.0%   | 1,560   | 10.6      | 0.5 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| IJC | 1,252,110 | 5.4%  | 592   | 23.6 | 1.3 |
| PPC | 323,050   | 34.2% | 5,128 | 5.0  | 1.5 |
| VCB | 297,000   | 10.3% | 1,878 | 15.5 | 1.6 |
| NBB | 289,280   | 2.0%  | 924   | 30.9 | 0.8 |
| PVT | 215,000   | 8.7%  | 1,012 | 13.8 | 1.2 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 207,700 | 7.6%  | 854   | 10.2 | 0.7 |
| PVS | 136,600 | 21.0% | 3,568 | 8.5  | 1.6 |
| PVL | 80,000  | -6.2% | (628) | -    | 0.3 |
| VCG | 77,700  | 10.0% | 1,233 | 12.4 | 1.2 |
| BCC | 39,000  | -1.4% | (166) | -    | 0.6 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| GAS | 157,285 | 40.8% | 6,535 | 12.7  | 4.7 |
| VNM | 115,852 | 39.6% | 7,839 | 17.7  | 6.6 |
| VIC | 70,943  | 47.7% | 7,380 | 10.6  | 4.0 |
| MSN | 70,919  | 3.0%  | 611   | 157.8 | 4.7 |
| VCB | 67,437  | 10.3% | 1,878 | 15.5  | 1.6 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | 14,836  | 6.6%  | 886   | 18.2 | 1.2 |
| PVS | 13,490  | 21.0% | 3,568 | 8.5  | 1.6 |
| SQC | 8,602   | -1.5% | (188) | -    | 6.4 |
| SHB | 7,709   | 7.6%  | 854   | 10.2 | 0.7 |
| VCG | 6,758   | 10.0% | 1,233 | 12.4 | 1.2 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| DRH | 4.05 | 0.6%  | 62    | 64.4  | 0.4 |
| VNG | 3.57 | 0.2%  | 16    | 400.2 | 0.6 |
| STG | 3.44 | 17.6% | 2,856 | 8.1   | 1.3 |
| DHC | 2.92 | 12.8% | 1,803 | 6.3   | 0.8 |
| CMT | 2.61 | 7.1%  | 1,084 | 11.4  | 0.8 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| TTZ | 6.16 | 0.4%  | 42    | 127.8 | 0.5 |
| QCC | 5.15 | 1.9%  | 268   | 21.2  | 0.4 |
| ITQ | 4.36 | 2.5%  | 266   | 21.8  | 0.5 |
| HHG | 4.04 | 1.7%  | 164   | 20.7  | 0.3 |
| VCG | 3.95 | 10.0% | 1,233 | 12.4  | 1.2 |



---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm  
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết  
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4)-3818 1888  
Fax: (84-4)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn  
Thái Bình, Quận I  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà  
Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779

---

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Người thực hiện:*

**Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:nguyet.dta@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)*